

Số/No.: 492/2022/CV-MAFM

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2022  
Hanoi, day 15 month 08 year 2022CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU  
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔIANNOUNCEMENT AFTER  
EXCHANGE TRADINGKính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM  
To: Hochiminh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ *Fund Management company*: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)
  - Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*: Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam
  - Tên Quỹ ETF/ *ETF name*: Quỹ ETF MAFM VN30
  - Mã chứng khoán/ *Securities symbols*: FUEMAV30
  - Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date*: 12/08/2022
  - Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF /*Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates*
- Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of Component Securities and Cash Component*:

STT <i>Order</i>	Mã chứng khoán <i>Securities symbol</i>	Số lượng <i>Volume</i>	Tỷ lệ % trong danh mục <i>Weighting</i>
<b>I.</b>	<b>Chứng khoán/ <i>Stock</i></b>		
1	ACB	3,500	5.8%
2	BID	200	0.5%
3	BVH	100	0.4%
4	CTG	900	1.7%
5	FPT	1,200	6.9%
6	GAS	100	0.8%
7	GVR	200	0.3%
8	HDB	1,700	2.9%
9	HPG	3,900	6.1%
10	KDH	500	1.3%
11	MBB	2,600	4.7%
12	MSN	800	5.7%
13	MWG	1,300	5.5%
14	NVL	900	4.9%
15	PDR	300	1.1%
16	PLX	100	0.3%
17	POW	700	0.6%
18	SAB	100	1.2%
19	SSI	1,300	2.1%
20	STB	2,300	3.9%
21	TCB	2,800	7.2%
22	TPB	1,000	1.9%
23	VCB	600	3.3%
24	VHM	1,600	6.6%
25	VIB	1,400	2.4%
26	VIC	1,100	4.8%
27	VJC	300	2.5%
28	VNM	1,000	4.7%
29	VPB	3,800	7.5%
30	VRE	1,100	2.1%
<b>II.</b>	<b>Tiền / <i>Cash (VND)</i></b>	<b>6,616,912</b>	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Difference between a basket and one lot of ETF in value*:
  - + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value*: 1,491,470,000 VND
  - + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF*: 1,498,086,912 VND
  - + Giá trị chênh lệch (nếu có)/ *Spread in value*: 6,616,912 VND
- + Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch (nếu có)/ *Plan to reduce the spread*:
  - Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *For creation order*: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*
  - Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *For redemption order*: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/ *In case, stock can be replaced by cash, state reason:*

STT No	Mã chứng khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 cp (VND) Substitution cash per securities (VND)	Đối tượng áp dụng Applied to	Lý do Reason
1	ACB	24,750	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
2	BID	38,300	BSC	Hạn chế đầu tư cp công ty mẹ theo khoản 4(a) điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC / <i>Restriction of ownership by Clause 4(a) Article 28 Circular 121/2020/TTBTC</i>
3	BVH	56,700	BVSC	Hạn chế đầu tư cp công ty mẹ theo khoản 4(a) điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC / <i>Restriction of ownership by Clause 4(a) Article 28 Circular 121/2020/TTBTC</i>
4	FPT	86,000	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
5	MBB	26,800	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	MWG	63,000	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	TCB	38,500	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	TPB	28,500	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
9	VIB	25,650	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>
10	VPB	29,600	Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / <i>The stock reaches foreign ownership limit</i>

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)  
*State if component securities shall have corporate action:*
- Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ *Other informations:*

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period (*) 12/08/2022	Kỳ trước/Last period (**) 11/08/2022	Chênh lệch/ Difference
1. Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation Units were issued</i>	-	-	-
2. Số lô đã mua lại/ <i>Creation Units were redeemed</i>	-	-	-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ <i>Issued shares</i>	42,600,000	42,600,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/chứng chỉ quỹ)/ <i>Closing price</i>	15,080	15,060	20
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ <i>Net Asset Value at Valuation Date</i>			
- của quỹ ETF/ <i>of the Fund</i>	638,185,024,310	640,617,973,195	(2,432,948,885)
- của 1 lô CCQ ETF/ <i>per ETF Creation Unit</i>	1,498,086,912	1,503,798,059	(5,711,147)
- của 1 CCQ/ <i>per share</i>	14,980.86	15,037.98	(57.12)
6. Chỉ số tham chiếu/ <i>Tracking Index</i>	1,280.96	1,272.33	8.63

(\*) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 11/08/2022  
 (\*\*) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 10/08/2022

Chủ tịch công ty kiêm đại diện pháp luật

Chairman and legal representative

